TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thả;

Bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 4, ấp T, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 4, ấp T, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau năm 2009 và đăng ký kết hôn ngày 07-4-2009 tại UBND xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ham chơi game, đá gà, đánh tài xỉu, không lo cho gia đình nên thường xuyên cãi vả nhau, xô xát nhau, mâu thuẫn luôn kéo dài, vợ chồng sống chung nhà với ba mẹ chồng, khi xảy ra sự việc trên cha mẹ chồng

có khuyên ngăn anh T nhưng anh không thay đổi. Từ khoảng tháng 5-2020 chị xin cha mẹ chồng đi làm công nhân tại Công ty cao su Hồng Phúc tại huyện Gò Dầu cho đến nay, anh T không quan tâm đến chị. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 14-02-2010; Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 08-3-2013 và Nguyễn Lê Ngọc V, sinh ngày 12-4-2019, hiện các cháu đang sống chung với anh T cùng nhà cha mẹ chồng, nhưng mẹ chồng đang trông coi. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nhật V và Ngọc V; giao cháu Nhật A cho anh T nuôi dưỡng; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục , thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị D và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ tháng 5-2020 cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị D đối với anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 03 người con tên Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 14-02-2010; Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 08-3-2013 và Nguyễn Lê Ngọc V, sinh ngày 12-4-2019, trong quá trình giải quyết vụ án chị D có yêu cầu nuôi cháu Nhật V và cháu Ngọc V; giao cháu Nhật A cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Nguyễn Lê Nhật A thì cháu có nguyện vọng sống chung với anh T nên cần giao cháu Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 08-3-2013 và cháu Nguyễn Lê Ngọc V, sinh ngày 12-4-2019 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 14-02-2010 là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị D không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến, tuy nhiên qua xác minh tại Ban quản lý ấp Trảng Ba Chân và bà Lương Thị Sự là mẹ ruột anh T xác định, giữa chị D và anh có mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh T không quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Mặt khác, chị D trình bày vợ chồng đã ly thân từ tháng 5-2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 03 người con tên Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 14-02-2010; Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 08-3-2013 và Nguyễn Lê Ngọc V, sinh ngày 12-4-2019. Trong quá trình giải quyết vụ án D có yêu cầu nuôi cháu Nhật V và cháu Ngọc V; giao cháu Nhật A cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Nhật A thì cháu có nguyện vọng muốn sống với anh T. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung nên cần giao con chung tên Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 08-3-2013 và Nguyễn Lê Ngọc V, sinh ngày 12-4-2019 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 14-02-2010 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu Nhật V và cháu Ngọc V cùng với chị; chị D không tự nguyện có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu Nhật A cùng với anh T.

[2.3] Về tài sản chung , nợ chung: Ghi nhận chị D không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị D là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 08-3-2013 và Nguyễn Lê Ngọc V, sinh ngày 12-4-2019 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 14-02-2010 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu Nhật V và cháu Ngọc V cùng với chị; chị D không tự nguyện có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu Nhật A cùng với anh T.

Chị D, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung nợ chung: Ghi nhận chị D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000779 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Suối Ngô;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc